TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 26-12-2017
(*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Phong Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kiều Thu
2. Ông Nguyễn Văn Đô

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Mai Chăm – Kiểm sát viên.

Thư ký phiên toà: Cô Hoàng Minh Khuê – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 26 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 569/2017/TLST-HNGĐ ngày 18/10/2017 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/11/2017, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**: Chị Trần Thị T, sinh năm: 1991

Nơi cư trú: khu phố 1, phường Ph, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

*** Bị đơn**: Anh Phạm Minh T, sinh năm: 1988

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: khu phố 1, phường Ph, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

(Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam S, huyện B, tỉnh Ninh Thuận).

Chị T có mặt tại phiên tòa. Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa chị Trần Thị T trình bày*:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và Anh T tự nguyện tìm hiểu, quen biết nhau, đến năm 2009 làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường Ph thành phố P. Trong quá trình chung sống chị và Anh T không hợp nhau về tính cách và quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã và đánh nhau. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm với Anh T nên yêu cầu được ly hôn với Anh T.

Về con chung: Chị và Anh T có một con là Phạm Trần Ái Ng, sinh ngày 04/7/2009. Chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con và không yêu cầu Anh T cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Theo bản tự khai ngày 26 tháng 10 năm 2017 anh Phạm Minh T trình bày***:

Anh và chị T tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn năm 2009 tại UBND phường Ph, thành phố P. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do hai người không hợp nhau nên thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Nay chị T làm đơn xin ly hôn thì anh tự nguyện đồng ý thuận tình ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh và chị T có một con là Phạm Trần Ái Ng, sinh ngày 04/7/2009. Anh đồng ý giao con cho chị T nuôi dưỡng, anh không có điều kiện cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, Anh T còn có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt anh. Trong đơn anh cho rằng, anh đang bị tạm giam nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt anh, anh vẫn giữ nguyên ý kiến tại bản tự khai nói trên. Việc viết đơn của anh là tự nguyện, không bị ép buộc và cam đoan không khiếu nại về sau.

Chị T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến**:** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và Tòa án xét xử vắng mặt là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu hồ sơ, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Phạm Minh T cư trú tại khu phố 1, phường Ph, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 01 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P.

Bị đơn anh Phạm Minh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Anh T.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị T Hội đồng xét xử nhận thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Phạm Minh T là hợp pháp. Anh chị đã được Uỷ ban nhân dân phường Ph, thành phố P cấp giấy chứng nhận kết hôn số 35, quyển số 01/2009, ngày 02/4/2009.

Chị T cho rằng, trong quá trình chung sống chị và Anh T không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Điều này cũng phù hợp với ý kiến của Anh T thể hiện tại bản tự khai ngày 26/10/2017, nay chị T xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị T. Như vậy, chứng tỏ hôn nhân giữa chị T và Anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 55, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Xét yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con của chị T và ý kiến của Anh T tại bản tự khai ngày 26/10/2017 anh đồng ý giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý, phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyên và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu Nguyên, đúng với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên giao cho chị T được tiếp tục trực tiếp nuôi con.

Chị T khai hiện tại chị có đủ điều kiện nuôi con nên chưa yêu cầu Anh T cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung và nợ chung chị T và Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] **Về án phí**: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì những lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1/<u>Áp dụng</u>: Khoản 01 Điều 28, điểm a khoản 01 Điều 35, điểm a khoản 01 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 262 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điều 51, Điều 55, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

2/ <u>Tuyên xử</u>:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị T. Chị T được ly hôn anh Phạm Minh T.

Về con chung: Giao cháu Phạm Trần Ái Ng (giới tính nữ), sinh ngày 04/7/2009 cho chị Trần Thị T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chị T chưa yêu cầu Anh T cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn chị T và Anh T vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con.

Về án phí: Chị Trần Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ngày 18/10/2017 chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0019983 do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P thu nay được chuyển sang án phí.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, của bị đơn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:
- *Các đương sự*;
- *Viện kiểm sát nhân dân TP.P;*
- *Ủy ban nhân dân phường Ph;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự TP.P;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Phạm Phong Lan